

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HN
TỈNH BÐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22/12/2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HN, TỈNH BÐ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Tố

Bà Trương Thị Diễm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phường, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã HN, tỉnh BÐ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ánh Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã HN, tỉnh BÐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2019/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Kim L, sinh năm 1982(CM)

Địa chỉ: KP AD1, P HT, TX HN, Tỉnh BÐ.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Ch, sinh năm 1976(VM)

3. Địa chỉ: KP AD1, P HT, TX HN, Tỉnh BÐ.

4. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã HN.

Đại diện: Bà Đặng Thị H, Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch.

Địa chỉ: Khu phố 5, phường BS, thị xã HN, BÐ.

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thị xã HN.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Đình Q, Chức vụ: Phó giám đốc

Địa chỉ: Số nhà 02 HBT, phường BS, thị xã HN, BD.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Kim L trình bày: Chị và anh Nguyễn Ch tự nguyện xây dựng gia đình với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT (nay là phường HT) vào ngày 30/3/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Ch sống thiếu trách nhiệm với vợ con, nhiều lần dùng bạo lực đánh vợ. Gia đình và hàng xóm đã nhiều lần can thiệp nhưng không có kết quả. Do đó, nay chị L yêu cầu ly hôn anh Ch vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Phạm Yến Nh, sinh năm 2007 và Nguyễn Phạm Thùy Tr, sinh năm 2014. Ly hôn, chị L yêu cầu nuôi cả hai con và không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Ch trình bày:

Anh Ch thống nhất như lời trình bày của chị L về thời gian và điều kiện kết hôn. Anh không đồng ý ly hôn vì anh còn thương yêu vợ con. Về con chung, hiện nay các con đã lớn nên nếu ly hôn các con muốn sống với ai tùy con quyết định. Tài sản chung, vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu. Nợ chung đã giải quyết xong.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên cần rút kinh nghiệm trong việc vi phạm quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Kim L; Giao 02 con chung cho chị L nuôi dưỡng, anh Ch không cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về khoản nợ chung, vì các ngân hàng đã rút yêu cầu nên đình chỉ giải quyết. Về án phí, chị L phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị Kim L có đơn khởi kiện ly hôn với anh Nguyễn Ch có nơi thường trú tại khu phố A D 1, phường HT, thị xã HN, tỉnh BD. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm 2 khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều

39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã HN, tỉnh BD.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Ch được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng cố tình trốn tránh, không có mặt tại Tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị L và anh Ch tuân thủ đúng quy định tại Điều 8; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như qua nhiều lần xác minh cho thấy tình cảm vợ chồng giữa vợ chồng chị L và anh Ch có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân đã lâu nhưng anh Ch không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, cho thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị L yêu cầu ly hôn, căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L.

[4] Về nuôi con chung: Kể từ thời điểm sống ly thân, các con đều sống cùng chị L, cháu Nh cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, để đảm bảo ổn định về cuộc sống và học tập của các cháu, căn cứ tại các điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về chia tài sản chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về các khoản nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, hai bên có trình bày về các khoản nợ chung tại Ngân hàng chính sách xã hội Phòng giao dịch thị xã HN và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh thị xã HN. Đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử, hai bên đã tất toán xong các khoản nợ, ngân hàng cũng không còn yêu cầu giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Phạm Thị Kim L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN về việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng

dân sự; các Điều 51, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Kim L:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Kim L được ly hôn anh Nguyễn Ch.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Phạm Yến Nh, sinh năm 2007 và Nguyễn Phạm Thùy Tr, sinh năm 2014 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xét.

- Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu số 0005513 ngày 10 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HN.

- Về quyền kháng cáo: Chị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Ch có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày được niêm yết tại UBND phường HT, nơi anh Ch cư trú để Tòa án nhân dân tỉnh BD xét xử phúc thẩm.

- Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TX. Hoài Nhơn;
- Các đương sự;
- UBND Phường HT;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Vương